

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TH TRẦN DANH LÂM

Grade 2

Unit : Billy's teddy bear ! (Con gấu bông của Billy.)

I. Vocabulary. (từ vựng)

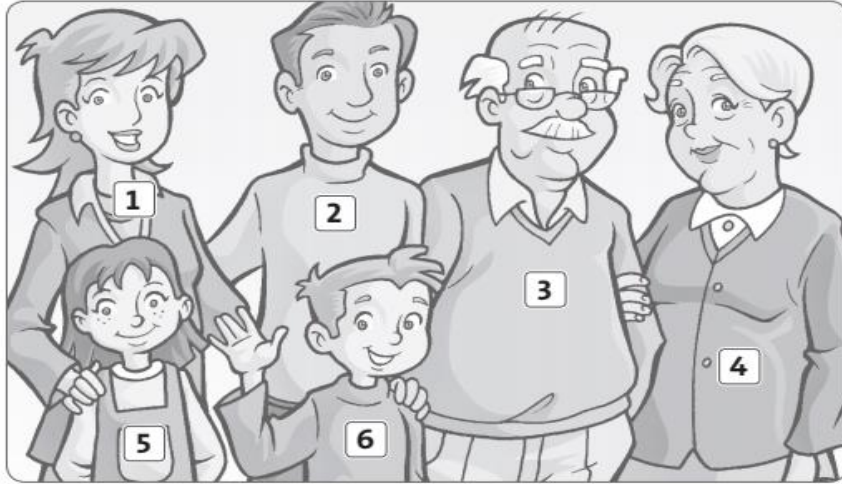
1. Mom [mə'm]: mẹ
2. Dad [dæd] : ba
3. Sister ['sistə]: chị, em gái
4. Brother ['brʌðə]: anh, em trai
5. Grandpa ['grændpə]: ông
6. Grandma ['grændmə]: bà

II. Grammar (Ngữ Pháp)

Danh từ sở hữu: Đối với danh từ, để thể hiện sở hữu cách (vật gì của ai đó) , người ta thường dùng 'S các danh từ.

Ví dụ: book của Mom → Mom's book (quyển sách của mẹ)
Hoặc teddy bear của Billy → Billy's teddy bear. (con gấu của Billy)

Bài tập 1: viết các từ còn thiếu để được từ hoàn chỉnh



1 mom 2 d 3 g
 4 g 5 s 6 b

1. Number the picture. (Đánh số vào các hình tương ứng)

1 I'm Grandpa.	2 I'm Alison.	3 I'm Grandma.
4 I'm Jamie.	5 I'm Mum.	6 I'm Dad.
☐ 	☐ 	☐ 
☐ 	☐ 	☐ 

2. Write question (nhìn vào hình và viết câu hỏi)

train car teddy doll ball kite

1 Where's the ball ?

It's in the pool.

2 _____ ?

It's on the swing.

3 _____ ?

It's under the seesaw.

4 _____ ?

It's in the tree.

5 _____ ?

It's under the tree.

6 _____ ?

It's in the bag.



3. Follow and write (những món đồ vật của ai ?) dùng 's thể hiện sở hữu.

Vd : Book nổi qua Grandpa → It's Granpa's book.

1 Grandma



It's Grandpa's book.

2 Alison



It's _____ hat.

3 Grandpa



It's _____ pen.

4 Jamie



It's _____ puzzle.

5 Mum



It's _____ doll.

6 Dad



It's _____ pencil case.

4. Match and write (Viết thành câu hoàn chỉnh)

Ví dụ: Bag nối qua Sally có nghĩa là Cái túi của Sally

→ It's Sally's bag

- | | |
|----------------------------|-------|
| 1 It's <u>Sally's</u> bag. | Jenny |
| 2 It's _____ frisbee. | Tom |
| 3 _____ ball. | Sally |
| 4 _____ pen. | Frank |
| 5 _____ kite. | Bob |
- 